

# ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO CHUYÊN ĐỔI ĐỐI VỚI HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CỦA NHÂN VIÊN TRONG NGÀNH DỊCH VỤ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA CAM KẾT TỔ CHỨC

**Trần Tuấn Anh<sup>1\*</sup>**

<sup>1</sup> Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

\* Tác giả liên hệ: Email: anhtrantuan804@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/11/2023

Ngày chấp nhận: 22/08/2024

Ngày đăng: 25/08/2024

DOI: 10.52932/jfm.v15i6.451

Phụ lục 1. Thang đo

Tên biến	Mã hóa	Nội dung	Nguồn
Phong cách lãnh đạo chuyển đổi	TL1	Sếp dành thời gian để hiểu nhu cầu của tôi.	Dai và cộng sự (2013)
	TL2	Sếp thường đưa ra những khuyến khích và hỗ trợ tôi hoàn thành nhiệm vụ.	
	TL3	Sếp thường khuyến khích tôi thử thách.	
	TL4	Sếp khuyến khích tôi suy nghĩ các vấn đề từ góc nhìn mới.	
	TL5	Sếp là nguồn cảm hứng thúc đẩy tôi hoàn thành nhiệm vụ.	
	TL6	Sếp biết cách tạo động lực để tôi nỗ lực hoàn thành mục tiêu công ty.	
Hiệu quả làm việc	JP1	Sếp tin rằng tôi là một người làm việc có hiệu quả	Koopmans và cộng sự (2014)
	JP2	Đồng nghiệp của tôi đánh giá tôi là người làm việc có hiệu quả.	
	JP3	Tôi tin rằng tôi là một nhân viên làm việc hiệu quả.	
	JP4	Tôi đã có thể thực hiện tốt công việc của mình với thời gian và công sức tối thiểu.	
	JP5	Tôi đã tự bắt đầu các nhiệm vụ mới, khi công việc cũ của tôi đã hoàn thành.	
	JP6	Tôi đã đưa ra các giải pháp sáng tạo trong công việc.	
	JP7	Tôi đã cố gắng học hỏi những phản hồi từ những người khác trong công việc.	
	JP8	Tôi đã chủ động khi có vấn đề cần giải quyết.	
Cam kết tổ chức	OC1	Tôi tự hào khi nói với người khác rằng tôi là một phần của công ty này.	Saks (2006)
	OC2	Tôi thấy rằng giá trị của tôi và giá trị của công ty giống nhau.	
	OC3	Tôi thực sự quan tâm đến số phận của công ty này.	

Tên biến	Mã hóa	Nội dung	Nguồn
	OC4	Tôi sẵn sàng nỗ lực rất nhiều ngoài mong đợi để giúp công ty này thành công.	
	OC5	Tôi sẽ chấp nhận hầu hết mọi loại công việc để tiếp tục làm việc cho công ty này.	
	OC6	Công ty này thực sự truyền cảm hứng tốt nhất cho tôi trong cách thực hiện công việc.	

**Phụ lục 2. Thông tin mẫu nghiên cứu**

	Tiêu chí	Tần số	Phần trăm (%)
Giới tính	Nam	274	47,9
	Nữ	298	52,1
Học vấn	THPT, Trung cấp	28	4,9
	Cao đẳng	84	14,7
	Đại học	450	78,7
	Trên đại học	10	1,7
Kinh nghiệm làm việc	Dưới 5 năm	382	66,8
	Từ 5 đến dưới 10 năm	130	22,7
	Từ 10 năm trở lên	60	10,5
Thời gian làm việc với sếp hiện tại	Dưới 6 tháng	218	38,1
	Từ 6 đến 12 tháng	172	30,1
	Trên 1 năm	182	31,8
Ngành dịch vụ	Thương mại (nhân viên kinh doanh, bán hàng,...)	198	34,6
	Ngành dịch vụ tư vấn, khoa học – công nghệ	90	15,7
	Ngành tài chính – tín dụng – ngân hàng – bảo hiểm	96	16,8
	Ngành kinh doanh tài sản – bất động sản	106	18,5
	Khác	82	14,3
<b>Tổng</b>		<b>572</b>	<b>100</b>

**Phụ lục 3. Kết quả đánh giá độ tin cậy và tính hợp lệ của thang đo**

<b>Thang đo</b>	<b>Outerloading</b>	<b>Cronbach's alpha</b>	<b>Composite reliability</b>	<b>AVE</b>
<i>Lãnh đạo chuyển đổi (TL)</i>		0,838	0,881	0,552
TL1	0,715			
TL2	0,775			
TL3	0,741			
TL4	0,752			
TL5	0,755			
TL6	0,718			
<i>Cam kết tổ chức (OC)</i>		0,844	0,884	0,561
OC1	0,789			
OC2	0,760			
OC3	0,770			
OC4	0,751			
OC5	0,720			
OC6	0,700			
<i>Hiệu quả làm việc (JP)</i>		0,879	0,904	0,541
JP1	0,775			
JP2	0,747			
JP3	0,770			
JP4	0,760			
JP5	0,733			
JP6	0,745			
JP7	0,721			
JP8	0,622			